

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 4- CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 158/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 5 - 2026

V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- CÀ MAU

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Nhỏ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Lộc

Ông Ong Văn Đủ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Văn Khải là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 -Cà Mau.

Ngày 07 tháng 5 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 88/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2026 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Triệu Tiểu D, sinh ngày 27/7/2000;

Số CCCD: 095300010967.

Địa chỉ: Nhà không số, ấp L, xã H, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Anh Võ Chí T, sinh ngày 20/4/2000.

Số CCCD: 096200004163.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Triệu Tiểu D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Võ Chí T sống chung với nhau từ năm 2021 và tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17/2021 ngày 03/02/2021 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là xã T, tỉnh Cà Mau).

Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, đến đầu năm 2025 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và phát sinh nhiều hơn mà chị và anh T không khắc phục được. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 03 năm 2025 đến nay. Nay, chị nhận thấy tình cảm với chồng không còn, mục đích hôn nhân không cải thiện được nên chị yêu cầu Tòa án

giải quyết cho chị xin được ly hôn với anh Võ Chí T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh T có 01 người con chung tên: Võ Triệu Bảo H, sinh ngày 06/12/2017 đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, do điều kiện phải đi làm xa, điều kiện đi lại khó khăn nên chị xin Tòa án xét xử vắng mặt.

*\* Bị đơn là anh Võ Chí T trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh xác định trình bày của chị D là không đúng, anh xác định anh chị D không có mâu thuẫn và cũng không có ly thân. Anh đi làm xa ở Tây Ninh vẫn thường xuyên về với gia đình thăm vợ, con chứ anh không có bỏ bê. Anh có liên hệ về hỏi thăm con nhưng phía gia đình chị D không cho. Anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị D.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống chị D và anh có 01 người con chung tên: Võ Triệu Bảo H, sinh ngày 06/12/2017 đang sống cùng chị D. Trường hợp Tòa án cho anh ly hôn với chị D thì phải hỏi nguyện vọng của cháu, cháu có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi dưỡng, chăm sóc.

- Về tài sản chung: Trong ngày cưới gia đình hai bên có cho vàng cưới, cụ thể là bên cha mẹ ruột anh cho anh và chị D 05 chỉ vàng 24k và bên cha mẹ vợ cho 10 chỉ vàng 24k chứ không phải không có tài sản chung nhưng anh sẽ tự thỏa thuận với vợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh Võ Chí T thay đổi ý kiến, anh xác định do chị D cương quyết yêu cầu xin ly hôn nên anh đồng ý theo yêu cầu xin ly hôn của chị D. Đối với con chung, anh yêu cầu được thăm nom chị D và gia đình chị D không được ngăn cản.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Triệu Tiểu D và anh Võ Chí T là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Xin ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Anh Võ Chí T có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau do đó Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về sự vắng mặt của đương sự:* Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Triệu Tiểu D có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị D là đúng theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Triệu Tiểu D và anh Võ Chí T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là xã T, tỉnh Cà Mau) vào năm 2021. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Theo chị D trình bày, Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, đến đầu năm 2025 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và phát sinh nhiều hơn mà chị và anh T không khắc phục được. Chị và anh T đã ly thân từ tháng 03 năm 2025 đến nay. Nay, chị nhận thấy tình cảm với chồng không còn, mục đích hôn nhân không cải thiện được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị xin được ly hôn với anh Võ Chí T.

Đối với anh T, quá trình giải quyết vụ án không đồng ý ly hôn, tuy nhiên tại phiên tòa anh thay đổi ý kiến và đồng ý theo yêu cầu xin ly hôn của chị D. Anh cũng xác định hiện tại anh và chị D đã ly thân từ tháng 6/2026.

Như vậy, xét lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và tình hình thực tế hiện tại có thể xác định tình trạng hôn nhân của chị D và anh T đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được đúng như chị D xác định. Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, cho chị D được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị D và anh T xác định có với nhau 01 con chung tên Võ Triệu Bảo H, sinh ngày 06/12/2017 đang sống cùng chị D. Sau khi ly hôn, chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H. Đối với anh T xác định, trường hợp Tòa án cho anh ly hôn với chị D thì phải hỏi nguyện vọng của cháu, cháu có nguyện vọng theo ai thì người đó nuôi dưỡng, chăm sóc.

Theo quy định của pháp luật thì: *“Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên...”; “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con...”* và theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình có quy định như sau: *“... con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...”*

Xét thấy: Cháu Võ Triệu Bảo H, sinh ngày 06/12/2017 đã hơn 07 tuổi, cả anh T và chị D đều xác định từ thời điểm hai người ly thân thì cháu H đã sống cùng chị D. Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H cho đến khi đủ 18 tuổi. Đối với anh T thống nhất theo nguyện vọng của con, con theo ai thì

người đó chăm sóc nuôi dưỡng. Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 01/4/2026 cháu H có trình bày: “*Cháu là con của mẹ Triệu Tiểu D và cha Võ Chí T. Từ trước đến nay, cháu chủ yếu sống cùng ông bà ngoại và mẹ, mẹ và ông bà ngoại trực tiếp chăm sóc trong sinh hoạt hằng ngày, đưa đón cháu đi học, quan tâm việc học tập và sức khỏe của cháu. Cháu rất gần gũi với mẹ và quen với cuộc sống hiện tại. Nếu cha mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng sống cùng mẹ là Triệu Tiểu D để cháu được tiếp tục học tập và được mẹ chăm sóc...*”. Như vậy, xét nguyện vọng của cháu H cũng như trình bày của các bên, cần tiếp tục giao cháu H cho chị D nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp để không gây xáo trộn cuộc sống hiện tại của cháu.

Anh T không trực tiếp nuôi có có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị D xác định chị và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Anh T xác định có nhưng sẽ tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung, nợ riêng: Chị D và anh T xác định không có nợ chung hay ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Triệu Tiểu D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Tiểu D, cho chị D được ly hôn với anh Võ Chí T.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Triệu Bảo H, sinh ngày 06/12/2017 cho chị D được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh T không trực tiếp nuôi có có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Triệu Tiểu D phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 10 tháng 02 năm 2026 chị D có dự nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001641 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Thanh có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4- Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4- Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Tân Hưng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Tăng Thị Nhớ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tấn Lộc Ong Văn Đ**

**Tăng Thị N**





























